

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2022/HS-PT  
Ngày 11 tháng 8 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chung Văn Kết

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Long

Ông Phạm Công Mười

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phong Lưu, ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thanh H và các bị cáo khác;

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Các bị cáo bị kháng nghị:***

1/. **Lê Thanh H**, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1964, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: Khu dân cư H, phường H1, quận C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc A – chi nhánh Cần Thơ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Thạch Kim H; có vợ Lê Cẩm H (chết) và 2 con: Lớn sinh năm 1989 - nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn Đ - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2/. **Trần Huy L**, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1972, tại Hậu Giang; Nơi cư trú: đường Tr, phường C1, quận N, thành phố Cần Thơ; đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc A – chi nhánh Cần Thơ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A và bà Lâm Thị H; có vợ Đỗ Tuyết Ng và 2 con: Lớn sinh năm 2003 - nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam: 08/3/2017. Cho bảo lãnh: 15/9/2017. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:* Luật sư Bùi Ngọc T - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

3/. **Bùi Tuấn A**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1975, tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực Ph, phường Th, quận Th1, thành phố Cần Thơ; khu dân cư C, khu vực 6, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng tín dụng A – chi nhánh Cần Thơ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tấn Đ (chết) và bà Phùng Thị Mỹ D (chết); có vợ Cao Thị Thanh Tr và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam: 29/6/2016. Cho bảo lãnh: 20/9/2017. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:* có Luật sư Trần Vũ Thanh T - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

4/. **Nguyễn Huỳnh Đạt Nh**, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1980, tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: đường Tr1, phường A2, quận N, thành phố Cần Thơ; đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K và bà: Huỳnh Thị Ng; có vợ: Hồ Nhật V và 2 con: Lớn sinh năm 2008 - nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam: 16/6/2016. Cho bảo lãnh: 06/9/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nh có 6 Luật sư:* Các luật sư Hoàng Văn T, Hà Huy S, Vũ Văn L - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Các luật sư Bùi Quang Ngh, Hoàng Văn Nh, Nguyễn Minh T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

5/. **Phạm Tường Th**, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1980, tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: đường V, phường A3, quận N, thành phố Cần Thơ; đường Ng, khu vực 2, phường Th2, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Ch và bà Lê Thị Tuyết Ng; có vợ Ngô Thị Q và 2 con: Lớn sinh năm 2011 - nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam: 16/6/2016. Cho bảo lãnh: 20/9/2017. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Thi:* Luật sư Huỳnh Văn D – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

6/. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1983, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Nh, xã T, huyện Th2, tỉnh Cà Mau; Ấp X, xã Th3, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: nhân viên công ty T1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Lê Thị Cẩm L và 2 con: Lớn sinh năm 2009 - nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam: 29/6/2016. Cho bảo lãnh: 27/9/2017. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Đ:* Luật sư Ngô Quỳnh Phương Th - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị hại: **Ngân hàng A** (A Việt Nam). Địa chỉ: Đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền: (có mặt đủ)*

1/. Ông Đỗ Quang Ph - Chức vụ: Phó Trưởng ban pháp chế - A Việt Nam.

2/. Ông Trần Trường G - Chức vụ: Phó Giám đốc – Chi nhánh A Cần Thơ.

3/. Ông Trương Minh Tr - Chức vụ: Trưởng phòng chuyên đề 3 văn phòng đại diện Tây nam bộ - A Việt Nam.

4/. Ông Phan Huy Ph - Chức vụ: PTPKTTN A chi nhánh Cần Thơ.

5/. Bà Lê Tường Th - Chức vụ: Cán bộ Ban thẩm định giá và phê duyệt tín dụng.

6/. Ông Nguyễn Huy T - Chức vụ: Chuyên viên Ban Pháp chế - A Việt Nam.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Nguyễn Trường Th - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1956; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2/. Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1956; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3/. Ông Huỳnh Phước L, sinh năm 1958 và bà Biện Thị L; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4/. Bà Huỳnh Thị Cẩm V; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

5/. Nguyễn Huỳnh Như Ng, sinh năm 1983; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

6/. Ông Nguyễn Bửu T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: khu dân cư số 9, đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

7/. Ông Phan Duy Ph, sinh năm 1980; Nơi cư trú: đường D15, khu đô thị M, phường H1, quận C, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

8/. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: đường B, phường B1, quận B1, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

9/. Công ty TNHH MTV Nông thủy sản T (Công ty T); Địa chỉ: Quốc Lộ 61, ấp M1, xã T1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Nguyễn Huỳnh Đạt Nh – Giám đốc (bị cáo trong vụ án).

10/. Công ty TNHH MTV TM-DV N (Công ty N); Địa chỉ: đường Ch, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật:* Nguyễn Bửu T – Giám đốc, vắng mặt.

11/. Công ty TNHH MTV Đ (Công ty Đ); Địa chỉ: KDC số 9, đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H, vắng mặt.

12/. Công ty TNHH T1 (Công ty T1); Địa chỉ: Đường Ng, phường 4, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Phạm Tường Th - Giám đốc (bị cáo trong vụ án).

*- Người làm chứng, vắng mặt gồm:*

1/. Lê Thị Kim C, sinh năm 1986; Nơi cư trú: đường L1, khu vực 2, phường B1, quận B1, thành phố Cần Thơ.

2/. Ngô Thị Sao L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: đường Ng1, khu vực 6, phường B1, quận B1, thành phố Cần Thơ.

3/. Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: đường Tr2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

4/. Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1989; Nơi cư trú: đường H1, Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và ấp 1, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5/. Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1990; Nơi cư trú: đường Ng2 (nối dài), phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

6/. Trần Thị Diễm K, sinh năm 1974; Nơi cư trú: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

7/. Trần Thanh Ngh, sinh năm 1970; Nơi cư trú: đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

8/. Huỳnh Vĩnh Ph, sinh năm 1975; Nơi cư trú: đường Ph2, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

9/. Nguyễn Thiện Th, sinh năm 1972; Nơi cư trú: đường số 5, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/. Lâm Thịnh Tr, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khu Chung cư H1, phường H2, quận C, thành phố Cần Thơ.

11/. Trần Lê Quốc B, sinh năm 1976; Nơi cư trú: đường Ph4, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1950; Nơi cư trú: Chung cư M, phường A5, quận N, thành phố Cần Thơ.

13/. Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khu vực 2, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ.

14/. Huỳnh Quang V, sinh năm 1979; Nơi cư trú: đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

15/. Lê Thái H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: đường H, phường Th2, quận N, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006 Nguyễn Huỳnh Đạt Nh thành lập công ty Đ, nhận sản phẩm từ công ty C (do ông Nguyễn Văn K - là cha của Nh làm Giám đốc) để xuất khẩu. Tháng 3/2011, Nh thành lập công ty T tại xã T1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Để có vốn đầu tư, Nh thành lập nhiều công ty khác, chỉ để lập hồ sơ vay vốn. Số tiền vay được Nh không chỉ đầu tư cho sản xuất kinh doanh nông thủy sản mà còn đầu tư kinh doanh bất động sản và trả nợ vay. Do nhu cầu vay vốn ngày càng lớn Nh đã câu kết với các cán bộ ngân hàng nâng khống giá trị tài sản thế chấp lên nhiều lần. Hậu quả là Nh mất khả năng thanh toán.

Tính đến ngày 16/6/2016, tổng số dư nợ của Nh tại các ngân hàng: A - Cần Thơ, BIDV - V và Sở giao dịch 2 Thành phố Hồ Chí Minh là 905.059.607.451 đồng và 99.316,98 USD. Trong đó, dư nợ tại A - Cần Thơ là 534.054.770.042 đồng nợ gốc và 148.917.097.947 đồng nợ lãi. Thiệt hại gây ra cho A là **303.683.875.386 đồng**. Cụ thể như sau:

### **1. Khoản vay của Công ty T:**

Tháng 3/2011, Nh thành lập công ty T tại xã T1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, Nh lập dự án Cụm chế biến nông thủy sản T với tổng mức đầu tư là 689 tỷ đồng. Nh lập hồ sơ vay vốn được hưởng ưu đãi hỗ trợ 100% lãi theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 25/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Nh đề nghị ông Nguyễn Thiện Th (là Giám đốc công ty Cơ điện lạnh H) nâng khống giá trị đầu tư thiết bị cấp đông lên gấp 2 lần, tương đương 207.668.610.000 đồng.

Nh nhờ các ông Trần Lê Quốc B (là Giám đốc công ty CP Q) và Nguyễn Thiện Th (là Giám đốc công ty H) ký khống hợp đồng liên danh với công ty T1 (của Nh, do Phạm Tường Th đứng tên Giám đốc), rồi sắp xếp cho công ty T1 làm tổng thầu, để nhận tiền khi được giải ngân.

Lê Thanh H (là Giám đốc) và Trần Huy L (là Phó giám đốc) chỉ đạo cho Bùi Tuấn A (là Trưởng phòng Tín dụng) giúp Nh hoàn thiện hồ sơ vay vốn, rồi lập báo cáo thẩm định, tờ trình xin phê duyệt, gửi về A Việt Nam.

Ngày 22/12/2011, A Việt Nam ra Văn bản số 9698/NHo-TDDN phê duyệt cho công ty T vay 289 tỷ đồng, và giao cho A Cần Thơ tổ chức thực hiện cho vay theo đúng quy định, cụ thể: “ ... cho vay có tài sản bảo đảm và điều kiện cho vay. Công ty T phải bổ sung vốn điều lệ theo đúng tiến độ. Chi nhánh A Cần Thơ chỉ giải ngân khi công ty T xuất trình đủ các chứng từ hợp lệ về các hạng mục đầu tư ... ”.

Nh bàn bạc với H và L về ý định mua Cmart - số 51 Ng, phường Th2, quận N, thành phố Cần Thơ. Khi bán được sẽ chi cho H và L một số tiền. Sau khi mua được Cmart với giá 104 tỷ đồng, Nh bàn bạc với H và L nâng khống giá trị lên 333 tỷ đồng, để thế chấp, vay 289 tỷ đồng.

Nh chỉ đạo cho Lê Thị Kim C và Trần Thanh Ngh (là nhân viên của Nh) liên hệ với Lâm Thịnh Tr (là Giám đốc công ty thẩm định giá HQ), yêu cầu nâng giá trị Cmart lên 333.074.000.000 đồng.

Sau khi vay được 258 tỷ đồng, Nh trả nợ cho bà Huỳnh Thị Ng (là mẹ của Nh) 10 tỷ đồng, gửi tiết kiệm tại A - Cần Thơ 149.821.000.000 đồng, thu tiền lãi là

994.587.754 đồng, chi 58.249.000.000 đồng để mua quyền sử dụng khu đất tại số 12 Ng, chi bồi thường giải phóng mặt bằng 31.760.768.543 đồng, trả nợ cho các khoản vay trước đó và nhiều mục đích khác.

Tháng 6/2014 Cục an ninh nông nghiệp nông thôn - Bộ Công an phát hiện sự việc này nên A - Cần Thơ phải chuyển khoản vay nói trên sang vay thông thường và buộc phải truy thu 61.715.193.995 đồng tiền lãi, đồng thời phải bổ sung chứng từ. Nh chỉ đạo cho Nguyễn Văn Đ lập hồ sơ nâng không giá trị đầu tư. Công ty T1 xuất không 15 hóa đơn GTGT để bổ sung hồ sơ vay. Tuấn A lập không 4 biên bản kiểm tra sau giải ngân (các ngày: 9/10/2012, 10/4/2013, 25/12/2013 và 26/5/2014). Nh và L ký không vào các biên bản này.

Tổ Giám định tư pháp của Ngân hàng nhà nước Việt Nam kết luận: ... A - Cần Thơ chưa thực hiện đúng quy định của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Cụ thể là: Giải ngân khi chưa có đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, chưa thu thập đủ các chứng từ hợp lệ của các hạng mục đầu tư ... Các khoản vay của công ty T đã chuyển sang nợ xấu, nợ nhóm 5, có khả năng mất vốn.

Tính đến ngày 16/6/2016, dư nợ gốc là 258 tỷ đồng, nợ lãi là 113.243.752.876 đồng. Theo Kết luận định giá, Cmart có giá 104.475.000.000 đồng vào thời điểm thế chấp - tháng 2/2012, có giá 139.218.117.000 đồng vào thời điểm tháng 12/2016. Tài sản còn lại chưa thế chấp có giá trị 101.140.424.874 đồng. Nợ phải trả cho các đối tác thi công là 12.467.217.685 đồng.

A - Cần Thơ bị thiệt hại 143.352.428.687 đồng.

## **2. Khoản vay của Công ty Đ:**

Tháng 9/2013, Nh cần tiền để tham gia đấu giá quyền thuê đất và bồi thường công trình trên đất tại số 78 Ng, phường A3, quận N, thành phố Cần Thơ, đồng thời trả nợ các khoản vay trước đó. Nh bàn bạc với H và L nâng hạn mức tín dụng lên 150 tỷ đồng.

Nh chỉ đạo cho Nguyễn Văn H, Ngô Thị Sao L và Trần Thị Cẩm T lập hồ sơ vay vốn. Tuấn A phân công cho Nguyễn Xuân Tr tiếp nhận xử lý hồ sơ vay. Trường lập hồ sơ thẩm định không và làm tờ trình đề nghị nâng hạn mức cho vay.

Nh chỉ đạo cho Phạm Tường Th và Nguyễn Văn H thế chấp quyền sử dụng đất tại số 12 Ng, phường C1, quận N, thành phố Cần Thơ. Tài sản này do công ty T1 (do Phạm Tường Th đứng tên Giám đốc) mua đấu giá với số tiền 104 tỷ đồng. H, L và Tuấn A đồng ý nâng giá trị lên 231.714.000.000 đồng. Tài sản thế chấp thứ 2 là quyền sử dụng đất tại xã T1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang có giá trị 6.636.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 238.350.000.000 đồng.

Tính đến ngày 16/6/2016, số dư nợ là: 149.860.731.642 đồng nợ gốc và 21.078.640.786 đồng nợ lãi.

Theo Kết luận định giá, tổng giá trị tài sản thế chấp là 109.078.123.000 đồng.

A - Cần Thơ bị thiệt hại 61.861.249.428 đồng.

## **3. Khoản vay của Công ty N:**

Cuối năm 2013, khoản vay của công ty T đến hạn trả một phần nợ gốc và lãi. Nh bàn bạc với H, L và Tuấn A về việc sử dụng pháp nhân của công ty N để vay tiền, bổ sung vốn cho công ty T, đồng thời để trả nợ cho các khoản vay trước.

Nh chỉ đạo cho Kim Cương lập hồ sơ vay vốn, rồi đưa cho Nguyễn Bửu T (là lái xe của Nh) đứng tên người đại diện theo pháp luật, ký vào hồ sơ. H và Tuấn A phân công cho Huỳnh Vĩnh Ph tiếp nhận hồ sơ xử lý hồ sơ vay. Ph lập báo cáo thẩm định và đề nghị nâng hạng mức vay đến 90 tỷ đồng.

Nh sử dụng 4 quyền sử dụng đất của công ty T1 và 8 quyền sử dụng đất của công ty T, với tổng giá trị được thẩm định là 105.131.388.840 đồng. Tháng 6/2014, khi Cục an ninh nông nghiệp nông thôn - Bộ Công an phát hiện sự việc A - Cần Thơ cho công ty T vay theo chính sách ưu đãi hưởng hỗ trợ 100% lãi suất, Nh đã sử dụng 67 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Ng (là mẹ), ông Huỳnh Phước L và bà Huỳnh Thị Cẩm V (là cậu và dì) để thay cho 8 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty T (giá trị tương đương là 83.930.700.000 đồng). Do giá trị của 67 quyền sử dụng đất nói trên chỉ ở mức 50 tỷ đồng nên Nh đã liên hệ với Lâm Thịnh Tr (là Giám đốc công ty thẩm định giá HQ). Trường phân công cho Phạm Hữu Nh và Dương Thế Đ lập hồ sơ thẩm định, nâng không giá trị lên đến 110.178.000.000 đồng. H chỉ đạo cho Tuấn A và Ph lập 6 biên bản thẩm định giá trị 67 tài sản thế chấp nói trên là 92.362.750.000 đồng.

Tính đến ngày 16/6/2016, số dư nợ của công ty N là: 89.994.400.000 đồng nợ gốc và 10.336.431.489 đồng nợ lãi.

Theo Kết luận định giá, tổng giá trị tài sản thế chấp (gồm 71 quyền sử dụng đất) là 26.622.859.414 đồng.

A - Cần Thơ bị thiệt hại 73.707.972.075 đồng.

#### **4. Khoản vay của Phan Duy Ph:**

Tháng 9/2014 do cần bổ sung vốn đầu tư cho công ty T và trả nợ cho các khoản vay trước, Nh yêu cầu Phan Duy Ph sử dụng pháp nhân của công ty GMS, đứng tên vay vốn, nhưng Ph không đồng ý. Nh yêu cầu Ph đứng tên cá nhân để vay và Nh cam kết chịu trách nhiệm trả nợ. H và Tuấn A phân công Huỳnh Vĩnh Ph tiếp nhận xử lý hồ sơ vay.

Nh sử dụng 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Cẩm V (là dì của Nh), với giá trị từ 11 - 12 tỷ đồng, để thế chấp. H và Tuấn A tự nâng giá trị lên 24.047.752.500 đồng, để vay 18 tỷ đồng. Nh liên hệ với Lâm Thịnh Tr (là Giám đốc công ty Thẩm định giá HQ). Quân phân công Dương Thế Đ lập hồ sơ thẩm định, nâng giá lên 25.290.000.000 đồng. A - Cần Thơ đã giải ngân trước khi có chứng thư thẩm định giá nên Ph đã yêu cầu điều chỉnh lại thời điểm phát hành chứng thư.

Tính đến ngày 16/6/2016, số dư nợ là: 17.699.638.400 đồng nợ gốc và 3.025.772.796 đồng nợ lãi.

Theo Kết luận định giá, tài sản thế chấp (3 QSD đất) có giá trị 3.102.696.800 đồng vào thời điểm thế chấp; có giá 4.010.486.000 đồng vào tháng 11/2016.

A bị thiệt hại 16.714.925.196 đồng.

## **5. Khoản vay của Nguyễn Bửu T:**

Tháng 9/2015, Nh chỉ đạo cho Lê Thị Kim C lập hồ sơ vay vốn, để trả nợ cho các khoản vay trước đó. Nh chỉ đạo Nguyễn Bửu T (là lái xe của Nh) đứng tên vay. H và Tuấn A phân công Nguyễn Xuân Tr tiếp nhận xử lý hồ sơ vay.

Nh sử dụng thửa đất số 508 khu dân cư C, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ để thế chấp. Trường lập biên bản thẩm định giá trị là 19.431.800.000 đồng.

Tính đến ngày 16/6/2016, số dư nợ là 18.500.000.000 đồng nợ gốc và 1.232.500.000 đồng nợ lãi.

Theo Kết luận định giá, tài sản thế chấp có giá trị 11.685.200.000 đồng vào thời điểm thế chấp và giá trị tài sản trên mặt đất là 5.811.645.538 đồng. Tổng giá trị là 17.496.845.538 đồng.

A bị thiệt hại 8.047.300.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 09/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ truy tố Lê Thanh H, Trần Huy L, Bùi Tuấn A, Nguyễn Huỳnh Đạt Nh, Phạm Tường Th và Nguyễn Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:***

Căn cứ Điều 13, 259, 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thanh H, Trần Huy L, Bùi Tuấn A, Nguyễn Huỳnh Đạt Nh, Phạm Tường Th và Nguyễn Văn Đ không phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”. Khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.*

Ngày 20/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 03/QĐ-VKSCT kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật; Lý do:

- Án sơ thẩm nhận định hiện nay A Việt Nam không xác định được thiệt hại và cho rằng chỉ xác định được sau khi xử lý tài sản đảm bảo, tài sản hình thành từ vốn vay, từ tài sản riêng của các cá nhân, công ty có liên quan... kết luận định giá trong tố tụng hình sự vẫn là chủ quan, chỉ là giá trị tham khảo. Nhận định trên là không đúng với quy định theo khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Thiệt hại trong vụ án được xác định kể từ thời điểm tội phạm hoàn thành và đã được ngăn chặn thời điểm tháng 6/2016 sau khi đối trừ giá trị tài sản đảm bảo với vốn và lãi đã gây thiệt hại cho A Việt Nam, theo Kết luận định giá trong tố tụng hình sự là **303.683.875.386 đồng.**



- Hội đồng xét xử không chấp nhận giá trị tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tại các địa phương và Trung ương định giá vì cho rằng hoạt động định giá trong tố tụng hình sự còn nhiều hạn chế và lấy giá trị tài sản do các Luật sư cung cấp từ các chứng thư của các công ty thẩm định giá, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền đất, Kết luận thanh tra chính phủ để so sánh, đưa ra chênh lệch giá là không đúng với quy định pháp luật, chưa đánh giá toàn diện chứng cứ.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo thống nhất với bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị bác toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và cho rằng:

*Thứ nhất*, Hồ sơ vay có tài sản đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường, không đảm bảo tính chính xác đối với tài sản thế chấp. Việc định giá của các Công ty thẩm định giá độc lập là đúng theo quy định; Phía bị hại Ngân hàng chưa xác định được thiệt hại, trong khi hậu quả thiệt hại là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm của Điều 179 BLHS 1999.

*Thứ hai*, Thời điểm khởi tố vụ án thì các khoản vay đang được khởi kiện dân sự và Ngân hàng chưa xác định được thiệt hại bao nhiêu; có dấu hiệu hình sự hóa quan hệ dân sự.

*Thứ ba*, với chứng cứ đã thu thập được chưa đủ cơ sở buộc tội các bị cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên bố các bị cáo không phạm tội “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Quan điểm của phía bị hại là Ngân hàng A (A Việt Nam) – Chi nhánh Cần Thơ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng cho rằng hiện tại chưa xác định được thiệt hại vì chưa xử lý tài sản đảm bảo; đề nghị được giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng bằng vụ án dân sự, có tính lãi để đảm bảo quyền lợi Ngân hàng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để giao về Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ để điều tra, truy tố lại theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, đã có đủ căn cứ xác định: Các bị cáo Lê Thanh H, Giám đốc và Trần Huy L, Phó giám đốc A - Chi nhánh Cần Thơ biết rõ bị cáo Nguyễn Huỳnh Đạt Nh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông thủy sản T không đủ điều kiện được Nhà nước cho vay ưu đãi lãi suất 0% theo Quyết định 63/2010/QĐ-

TTg, ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản nhưng H và L vẫn cho Nh vay số tiền 258 tỷ đồng. H, L và Nh bàn bạc lập khống hồ sơ vay, nâng khống giá trị tài sản thế chấp; Nh sử dụng tiền vay được chủ yếu đầu tư vào bất động sản, trả nợ cho các khoản vay và sử dụng cá nhân mất khả năng thanh toán. Do sợ bị phát hiện sai phạm trong việc cấp tín dụng và phát sinh nợ xấu, H, L và Tuấn A bàn bạc, hướng dẫn Nh tiếp tục dùng các Công ty gồm Công ty TNHH MTV Đ, Công ty TNHH MTV TM-DV N (Công ty của Nh thuê người đại diện pháp luật) và chỉ đạo nhân viên Nguyễn Bửu T, Phan Duy Ph lập hồ sơ khống, nâng khống giá trị tài sản thế chấp để vay tiền, rồi sử dụng tiền vay sai mục đích dẫn đến không còn khả năng thanh toán gây thiệt hại cho Ngân hàng A Việt Nam.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

- Tòa sơ thẩm chỉ tập trung phân tích đánh giá về mặt hậu quả của hành vi mà các bị cáo thực hiện, không phân tích đánh giá các hành vi theo Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội danh “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” theo khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 1999 như có đủ căn cứ chứng minh các bị cáo có thực hiện các hành vi: “*cho vay không đảm bảo trái quy định pháp luật; cho vay quá giới hạn quy định và hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về cho vay trong hoạt động tín dụng*”... là đánh giá chứng cứ không toàn diện các dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm; vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Đạt Nh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông thủy sản T đã sử dụng các Công ty TNHH MTV Đ, Công ty TNHH MTV TM-DV N (Công ty của Nh thuê người đại diện pháp luật) và chỉ đạo nhân viên Nguyễn Bửu T, Phan Duy Ph lập hồ sơ khống, nâng khống giá trị tài sản thế chấp để vay tiền, rồi sử dụng tiền vay sai mục đích dẫn đến không còn khả năng thanh toán gây thiệt hại cho Ngân hàng A Việt Nam số tiền 303.683.875.386 đồng là có dấu hiệu gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của A; Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nh tội danh “*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*” là phản ánh chưa đúng với bản chất hành vi khách quan của cấu thành tội phạm.

[2.2]. Về hậu quả do hành vi thực hiện tội phạm gây ra:

- Việc xác định giá trị tài sản bị xâm phạm có ý nghĩa quan trọng và mang tính bắt buộc để xác định hành vi xâm phạm về tài sản có phải là tội phạm hay không. Bên cạnh đó, việc định giá tài sản còn là căn cứ để xác định khung hình phạt; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi lượng hình và xác định mức bồi thường cho người bị thiệt hại về tài sản.

- Về pháp luật quy định hoạt động định giá trong tố tụng hình sự thể hiện: tại các Điều 609, Điều 101, Điều 215 đến 222 của BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về định giá tài sản. Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018; sau đó Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài

sản trong tố tụng hình sự; Thông tư 30/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 để hướng dẫn Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018.

- Trong vụ án này, để xác định giá trị của tài sản đảm bảo liên quan đến các hợp đồng tín dụng, Cơ quan An ninh điều tra đã yêu cầu 06 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, bao gồm: thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Sóc Trăng và Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc ở Trung ương để định giá tài sản thế chấp của các khoản vay Công ty T, Công ty Đ, Công ty N, khoản vay cá nhân Phan Duy Ph, Nguyễn Bửu T. 06 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thực hiện định giá tài sản, ban hành kết luận định giá tài sản theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự và các hướng dẫn có liên quan đến hoạt động của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự; các kết luận định giá không mâu thuẫn về giá trị tài sản. Điều này được thể hiện tại Kết luận của Hội đồng định giá theo vụ việc ở Trung ương xác định giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất số 12 Ng vào thời điểm tháng 9/2012 là giá đất theo giá thị trường tại thời điểm trúng đấu giá, nên không định giá lại thời điểm này, công nhận tính hợp pháp của kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá theo tố tụng hình sự tại thành phố Cần Thơ tháng 9/2012 có giá trị là 104.033.000.000 đồng, định giá thời điểm tháng 3/2013 là 104.407.948.000 đồng và *không có căn cứ nghi ngờ kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cần Thơ thời điểm tháng 12/2016.*

#### [2.3]. Về thiệt hại trong vụ án:

Như đã phân tích ở trên, thiệt hại về tài sản (hậu quả) do hành vi phạm tội của các bị cáo đã được xác định hợp pháp, đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Cụ thể, thiệt hại trong vụ án được xác định kể từ thời điểm tội phạm hoàn thành và đã được ngăn chặn thời điểm tháng 6/2016 sau khi đối trừ giá trị tài sản đảm bảo với vốn và lãi đã gây thiệt hại cho A Việt Nam, với số tiền **303.683.875.386 đồng**.

#### [3]. Sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ:

- Tòa sơ thẩm không chấp nhận giá trị tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự các địa phương và Trung ương định giá vì cho rằng hoạt động định giá trong tố tụng hình sự còn nhiều hạn chế và lấy giá trị tài sản do Luật sư cung cấp từ các chứng thư của các công ty thẩm định giá, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền đất, Kết luận thanh tra chính phủ để so sánh, đưa ra chênh lệch giá là không đúng với quy định pháp luật, có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ. Bởi lẽ:

+ Các chứng thư thẩm định giá do Luật sư cung cấp chỉ là nguồn chứng cứ, không được thu thập một cách hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Cơ quan An ninh điều tra đã làm việc với thẩm định viên trực tiếp thẩm định giá tài sản đã thừa nhận việc thẩm định giá đối với 03 tài sản tại số 12 Ng, phường C1, số 51 Ng, phường Th2 và C, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ thực hiện không đúng theo chuẩn mực, quy định về thẩm định giá, phương pháp thẩm định dựa vào giá trị tài sản được rao bán trên mạng xã hội, không phải là giá giao dịch TC trên thị trường, không có tài sản so sánh, giá trị chỉ để cho khách hàng tham khảo; việc xác định giá đất để phát hành chứng thư thẩm định giá là theo yêu cầu của khách hàng nâng không giá trị tài sản để đảm bảo cho các khoản vay và hợp

thức hóa cho hồ sơ vay mà không căn cứ vào giá trị thực của tài sản; không có giá trị pháp lý khi sử dụng vào mục đích giải quyết các vụ án trong tố tụng hình sự, dân sự (Bút lục số 24856-24861; 6005-6006; 6010; 6014-6014; 6015-6016; 6017-6018).

+ Tại công văn số 41/QLG-QLTĐG ngày 12/02/2018 của Cục quản lý giá - Bộ Tài chính khẳng định Dương Thế Đ nhân viên Công ty HQ ký vào chứng thư thẩm định giá lô đất số 12 Ng, Trương Thái S nhân viên công ty HQ ký vào chứng thư thẩm định giá lô đất số 51 Ng với tư cách là thẩm định viên là trái quy định vì Sơn và Đồng không phải là thẩm định viên về giá hành nghề tại Công ty, vi phạm điểm b, khoản 9 Điều 18 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

+ Đối với Chứng thư Thẩm định giá theo yêu cầu của Sở Tài chính thành phố Cần Thơ ngày 05/4/2016 của Công ty CP tư vấn và Thẩm định giá TT do Sở Tài chính Cần Thơ trưng cầu gồm: đất tại số 27 Ng, trưng cầu để làm cơ sở hỗ trợ di dời; 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 30 Ng, diện tích 126,54m<sup>2</sup>, với giá 14.552.1000.000 đồng; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 113,8m<sup>2</sup>, tại số 32 Ng, với giá 12.995.000.000 đồng). Đây là tài liệu do Luật sư cung cấp tại phiên tòa, là bản photo, không đóng dấu sao y, không thể hiện nguồn cung cấp, không có biên bản giao nhận tài liệu; Khi tiếp nhận Tòa án sơ thẩm không tiến hành kiểm tra, đánh giá tài liệu theo khoản 4 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự là thiếu sót.

+ Đối với Kết luận thanh tra số 978/KL-TTTP ngày 22/6/2018 của Thanh tra Chính phủ xác định giá trị khu đất số 12 đường Ng, mức giá khởi điểm để bán đấu giá vào tháng 11/2011 là 233.000.000.000 đồng cao hơn giá do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận. Tuy nhiên, Kết luận của Thanh tra Chính phủ không được tiến hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan An ninh điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc ở Trung ương định giá lại quyền sử dụng đất tại số 12 đường Ng và tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 16/12/2020 kết luận giá trị quyền sử dụng đất tại số 12 đường Ng, thống nhất giá đất thời điểm tháng 9/2012 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cần Thơ, định giá thời điểm tháng 3/2013, có trị giá là 104.407.948.000 đồng.

[4]. Tóm lại:

Quá trình điều tra đã thực hiện việc trưng cầu định giá tài sản để xác định thiệt hại trong vụ án; Theo các Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc ở Trung ương định giá tài sản thế chấp của các khoản vay Công ty T, Công ty Đ, Công ty N, khoản vay cá nhân Phan Duy Ph, Nguyễn Bửu T, sau khi đối trừ giá trị tài sản đảm bảo với vốn và lãi đã gây thiệt hại cho A Việt Nam, với số tiền 303.683.875.386 đồng.

Thấy rằng, các Hội đồng định giá tài sản thực hiện định giá tài sản theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự và các hướng dẫn có liên quan đến hoạt động giá tài sản trong tố tụng hình sự; các kết luận định giá không mâu thuẫn về giá trị tài sản. Điều này được xác định theo kết luận của Hội đồng định giá theo vụ việc ở Trung ương; Còn các chứng thư thẩm định giá, tài liệu do các luật sư cung cấp chỉ

là nguồn chứng cứ, không được thu thập một cách hợp pháp theo quy định tại Điều 86, khoản 2 Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa sơ thẩm nhận định do “hiện nay A Việt Nam không xác định được thiệt hại ... Do đó, Hội đồng xét xử không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội đối với các bị cáo nên cần áp dụng nguyên tắc “Suy đoán vô tội” theo quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tuyên bố các bị cáo vô tội” là có sai lầm nghiêm trọng trong việc xem xét toàn diện, đánh giá chứng cứ một cách hợp pháp. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó, có xem xét đến tội danh của bị cáo Nguyễn Huỳnh Đạt Nh như đã nhận định ở mục [2.1].

[5]. Về án phí: Do hủy án sơ thẩm, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ điều tra, truy tố lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thành Long**

**Phạm Công Mười**

**Chung Văn Kết**